

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 22/2020/HS-ST
Ngày 11/9/2020.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT, TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn B và Bà Hà Thị T .

Thư ký phiên toà: Ông Lôu Văn C , Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn C - Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2020/TLST-HS ngày 20/8/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HS ngày 28/8/2020 đối với bị cáo:

Thao Văn V , sinh năm 1983. Nơi sinh và nơi cư trú: Bản Kéo Hượn, xã Nhi Sơn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Trồng trọt. Trình độ học vấn: 6/12.

Bố: Thao Văn L , sinh năm: 1956, mẹ: Gia Thị D , sinh năm: 1964, hiện tại bố, mẹ và anh, chị em của bị cáo đang sinh sống xung quanh các xã Nhi Sơn, Pù Nhi của huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Vợ: Lý Thị S , sinh năm 1984 (đã ly hôn), có một con chung sinh năm 2015

Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ ngày 20/5/2020, chuyển tạm giam ngày 28/5/2020 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Ngọc K - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý số 1, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 17/4/2020 bị cáo đang đi bộ từ nhà đến khu vực cột mốc 311, đề đến bản Khăm Nàng - Lào tìm mua ma túy sử dụng thì gặp một người đàn ông, qua nói chuyện người đàn ông này giới thiệu tên là H , ở huyện Quan Hóa, biết bị cáo chuẩn bị sang Khăm Nàng - Lào mua ma túy nên H nhờ bị cáo mua giúp cho 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*) tiền ma túy (hồng phiến - ma túy tổng hợp). Bị cáo đồng ý rồi nhận 100.000đ với người xưng tên H và bảo H chờ, một lúc sau bị cáo quay về và đưa cho H 05 (năm) viên hồng phiến (ma túy tổng hợp), H đã cho bị cáo 01 viên để sử dụng. Sau đó H xin số điện thoại của bị cáo nhưng bị cáo không có điện thoại nên H đã ghi lại số điện thoại của mình vào bắp chân bị cáo rồi dặn bị cáo về kiểm điện thoại gọi lại cho H . Tối cùng ngày bị cáo đã mượn điện thoại của mẹ mình gọi cho Hùng, nhưng Hùng không nghe máy, một lúc sau H lại gọi lại cho bị cáo và nói với bị cáo là trời mưa nên không mua ma túy được và hẹn với bị cáo đến sáng hôm sau, tức ngày 18/4/2020 gặp nhau tại chỗ cũ rồi tính tiếp. Khoảng 11 giờ ngày 18/4/2020 bị cáo gặp H tại khu vực gần cột mốc 311 như đã hẹn. Tại đây H nói với bị cáo có mua được ma túy cho H không, H muốn mua một gói ma túy (hồng phiến), nếu được thì H sẽ trả công cho bị cáo 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*). Bị cáo nói là mua được và nói giá một gói hồng phiến khoảng 200 (*hai trăm*) viên là 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*). H đưa 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) cho bị cáo. Nhận được tiền bị cáo đi bộ một mình theo đường rừng đến bản Khăm Nàng - Lào mua với một người đàn ông tên Tông S , khoảng 30 tuổi, 01 gói ma túy (*hồng phiến*) với giá 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*), sau đó quay về chỗ hẹn với H gần cột mốc 311, đến khoảng 13 giờ cùng ngày bị cáo gặp H , H bảo bị cáo cầm lấy số ma túy rồi ngồi lên sau xe máy của H đến khu vực Kéo Cưa, thuộc bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát để giao ma túy cho H rồi H trả tiền công 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) cho, bị cáo đồng ý, khi H và bị cáo đang lưu thông trên Quốc lộ 15C đoạn Kéo Cưa, thuộc bản Táo, xã Trung Lý, huyện Mường Lát thì bị tổ công tác bộ đội biên phòng Pù Nhi kiểm tra, H đã kịp phóng xe máy chạy thoát. Còn bị cáo bị bắt quả tang cùng với tang vật là 01 gói ma túy như đã nêu ở trên.

Tại bản kết luận giám định số: 1168/PC09 ngày 20/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- 02 (hai) viên nén màu xanh của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,209g (không thấy hai không chín gam) loại: *Methamphetamine*.

- 187 (một tám bảy) viên nén màu hồng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 18,951g (một tám phẩy chín năm một gam), loại: *Methamphetamine*.

Vật chứng của vụ án hiện đang được bảo quản tại chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Lát, theo quyết định chuyển vật chứng số: 19/QĐ-VKS-ML, ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát.

Bản cáo trạng số 23/CT-VKS-ML ngày 18/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo về tội *Vận chuyển trái phép chất ma túy*, quy định tại Điểm e, điểm h khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải và công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo phạm tội *Vận chuyển trái phép chất ma túy*

Về điều luật: Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1 điều 51; Điểm e, điểm h khoản 2 Điều 250 BLHS;

Về hình phạt:

Hình phạt chính: Bị cáo từ **09** năm đến **10** năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo làm thu nhập không ổn định nên không có tính khả thi.

Về vật chứng: Xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo được miễn án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình, bị cáo khai, biết rõ hành vi tàng trữ ma túy trái phép để sử dụng là vi phạm pháp luật và bị Nhà Nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện chất ma túy, không tìm cách được bản thân nên đã cố tình phạm tội. Bị cáo công nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Ý kiến người bào chữa: Người bào chữa đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng và khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ TNHS cho bị cáo. Người bào chữa cho rằng: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, nên đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, tạo điều kiện để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội, bản thân trở thành công dân có ích.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận tội, đồng tình với lời bào chữa, không thay đổi, bổ sung thêm gì làm thay đổi nội dung vụ án, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức án thấp nhất của khung hình phạt, để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Xét về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho bị cáo và bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Chứng cứ xác định có tội, không có tội của bị cáo:* Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, kết luận giám định và chứng cứ khác trong hồ sơ, đủ cơ sở khẳng định bị cáo vận chuyển **19,160 gam** (*một chín phẩy một sáu không gam*) ma túy, loại: Methamphetamine qua biên giới (từ Lào về Việt Nam) giao lại cho người tên Hùng để lấy 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền công đã phạm tội: *Vận chuyển trái phép chất ma túy*, quy định tại BLHS Nước CHXHCN Việt Nam. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà Nước. Hiện nay ma túy đang trở thành hiểm họa lớn cho toàn xã hội về tác hại của nó, ma túy là nguyên nhân phát sinh những tội phạm khác, hành vi của bị cáo còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm

hình sự, biết rõ việc vận chuyển trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện.

Với hành vi, tính chất vụ án, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: *Vận chuyển trái phép chất ma túy*, quy định tại điểm e và điểm h khoản 2 Điều 250 Bộ luật hình sự, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng TNHS. Tại các cơ quan tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Với các tình tiết này HĐXX xem xét xử bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[4] *Xét về hình phạt:* Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt cho bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội và khối lượng chất ma túy thu giữ, đã đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, cho thấy bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp và không ổn định. HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Xét về vật chứng trong vụ án:*

Số ma túy còn lại sau giám định, tang vật trong vụ án là chất Nhà nước Việt Nam cấm lưu hành, cần tịch thu, tiêu hủy.

Điện thoại di động nhãn hiệu Muphone, đã qua sử dụng, tại phiên tòa bị cáo xác định không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Tang vật của vụ án hiện đang được bảo quản tại kho tang vật Chi cục THADS huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

[6] *Xét về phần án phí và quyền kháng cáo:* Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí HSST và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] *Các nhận định khác:*

Đối với người đàn ông, dân tộc Mông, bị cáo nghe gọi là Tông S , khoảng 30 tuổi, ở Khảm Nàng - Lào đã bán ma túy cho bị cáo. Sự việc diễn ra ngoài lãnh thổ Nước CHXHCN Việt Nam, không ai chứng kiến, địa chỉ, tên tuổi

không cụ thể nên Cơ quan CSĐT không đủ cơ sở để xác minh và xử lý đối với người này.

Đối với người đàn ông tên H đã thuê bị cáo đi mua ma túy, bị cáo chỉ nghe người đàn ông này giới thiệu tên Hùng, ở huyện Quan Hóa nên Cơ quan CSĐT không đủ cơ sở để xác minh và xử lý, số điện thoại cũng như thẻ sim bị cáo đã xóa, không lưu số, đồng thời đã vứt sim đã gọi cho người đàn ông tên H nên cơ quan CSĐT không có căn cứ để xác minh.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên:

Bị cáo **Thao Văn V**, phạm tội: “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”

Áp dụng:

Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm e, điểm h khoản 2 điều 250; Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: Hình phạt chính: **09 (Chín)** năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ (18/4/2020).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về tang vật: Áp dụng điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- Một phong bì niêm phong, do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành ghi vụ Thao Văn V, mặt sau được dán kín niêm phong bởi các chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên: Nguyễn Trần Đ, Lê Xuân H cùng các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa;

- Điện thoại di động nhãn hiệu Muphone, đã qua sử dụng.

Vật chứng kê trên đang lưu giữ, bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, theo Quyết định chuyển vật chứng số 19/QĐ-VKS-ML, ngày 18/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát và Biên bản giao nhận vật chứng số 29/TV-CCTHADS ngày 18/8/2020 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát.

Về án phí: Áp dụng điều 135, điều 136 BLTTHS; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên: Miễn tiền án phí HSST cho bị cáo .

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ điều 331, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; có mặt bị cáo; người bào chữa, người phiên dịch cho bị cáo; bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân H. Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Công an H. Mường Lát;
- Cơ quan THAHS - CA huyện Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Nhi Sơn, H. Mường Lát;
- Bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị T